

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

1.1 Giới thiệu chung về gói thầu

- Tên gói thầu: Gói thầu 02: Mua hóa chất phục vụ nghiên cứu của đề tài mã số ĐTĐL.CN-03/24.

- Đơn vị sử dụng ngân sách: Trường Đại học Lâm nghiệp.

- Nguồn vốn: Ngân sách nhà nước.

- Địa điểm đầu tư: Xuân Mai, Thành phố Hà Nội.

- Tiến độ thực hiện: Quý III năm 2025.

- Mục đích tuyển chọn nhà thầu: Tìm kiếm nhà thầu có đầy đủ năng lực và kinh nghiệm thực hiện việc Mua nguyên vật liệu phục vụ công tác nghiên cứu khoa học.

- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Chào hàng cạnh tranh trong nước (qua mạng).

- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn, một túi hồ sơ.

- Thời gian thực hiện hợp đồng: 45 ngày.

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

a) Yêu cầu về kỹ thuật chung:

- Nhà thầu phải có đủ năng lực cung cấp hàng hóa đạt tiêu chuẩn theo yêu cầu của E- HSMT.

- Nhà thầu nêu rõ tên, ký mã hiệu, xuất xứ, thông số kỹ thuật.

- Nhà thầu phải có bảng so sánh chứng minh tính đáp ứng của các thông số kỹ thuật giữa hàng hóa, thiết bị chào thầu và yêu cầu kỹ thuật của E-HSMT.

- Thời hạn sử dụng hàng hóa: Thời hạn sử dụng ít nhất 03 tháng hoặc theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất kể từ ngày Nhà thầu cung cấp hàng hóa cho Chủ đầu tư và Chủ đầu tư nghiệm thu cho nhà thầu.

- Nhà thầu phải chào thầu hạng mục hàng hóa của gói thầu đáp ứng các thông số kỹ thuật theo danh mục liệt kê dưới đây, trong trường hợp bất kỳ thông số kỹ thuật nào có chỉ dẫn liên quan đến nhãn hiệu hàng hóa hoặc ký hiệu/quy định riêng khác kèm theo thì chỉ mang tính chất tham khảo, nhà thầu có thể chào thầu các loại hàng hóa có tính năng kỹ thuật tương đương hoặc tốt hơn.

- Địa điểm giao hàng: Xã Phúc Khánh, tỉnh Lào Cai

b) Yêu cầu về kỹ thuật cụ thể:

STT	Danh mục	ĐVT	Số lượng
01	Phenol Độ tinh khiết: $\geq 98\%$ Công thức hóa học: C_6H_5OH Ngoại quan: Chất rắn, không màu, mùi đặc trưng. Đóng gói: tank/phuy. Nguyên liệu dùng cho sản xuất công nghiệp.	Kg	15.310

02	Formalin Độ tinh khiết: $\geq 37\%$ Công thức hóa học: HCHO Ngoại quan: Chất lỏng, không màu, mùi khó chịu Đóng gói: tank/phuy. Nguyên liệu dùng cho sản xuất công nghiệp.	Kg	21.430
03	Natri hydroxide Độ tinh khiết: $\geq 98\%$ Công thức hóa học: NaOH Ngoại quan: Chất rắn dạng hạt hoặc vảy, màu trắng Đóng gói: thùng/bao gói. Nguyên liệu dùng cho sản xuất công nghiệp.	Kg	1.534
04	Keo 2 thành phần Chất kết dính: Nhựa epoxy (thành phần A) Dạng lỏng, độ nhớt cao Màu sắc: Trắng đục Đóng gói: Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất. Nguyên liệu dùng cho sản xuất công nghiệp.	Kg	150
05	Chất đóng rắn (dùng cho keo 2 thành phần) Chất đóng rắn (thành phần B) Dạng lỏng, độ nhớt cao Màu sắc: Trắng đục Đóng gói: Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất. Nguyên liệu dùng cho sản xuất công nghiệp.	Kg	15

Mục 2. Bản vẽ:

- Không có bản vẽ.

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm:

- Thời gian kiểm tra: Ngay sau khi hàng hoá được giao tới địa điểm quy định.
- Cách thức tiến hành kiểm tra: Hai bên tiến hành kiểm tra từng loại hàng hoá căn cứ theo yêu cầu của hợp đồng đã ký kết và các tài liệu có liên quan.

Handwritten signature